

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 442/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Hải Dương**  
**thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Pháp lệnh Về sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch ngày 22 tháng 12 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc ban hành Danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch;*

*Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương tại Tờ trình số 16/TTr-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2021 về việc phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm định số 1113/BC-HĐTĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh và Báo cáo số 24/BC-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc tiếp thu, giải trình các ý kiến của Hội đồng thẩm định.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với một số nội dung chủ yếu như sau:**

### **I. TÊN, PHẠM VI, THỜI KỲ QUY HOẠCH**

1. Tên Quy hoạch: Quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Phạm vi quy hoạch: Phần lãnh thổ tỉnh Hải Dương với tổng diện tích tự nhiên là 1.668,23 km<sup>2</sup>.

- Phía Bắc tiếp giáp với tỉnh Bắc Giang, Quảng Ninh.

- Phía Nam tiếp giáp với tỉnh Thái Bình.

- Phía Tây tiếp giáp với tỉnh Bắc Ninh, Hưng Yên.

- Phía Đông tiếp giáp với Thành phố Hải Phòng.

3. Thời kỳ Quy hoạch:

- Thời kỳ Quy hoạch: 2021 - 2030.

- Tầm nhìn dài hạn: Đến năm 2050.

### **II. QUAN ĐIỂM, NGUYÊN TẮC LẬP QUY HOẠCH**

1. Việc lập “Quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050” phải phù hợp với mục tiêu, định hướng của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 của cả nước và tầm nhìn Việt Nam đến năm 2045; đồng thời phù hợp với tiềm năng, lợi thế, nội lực của tỉnh và khả năng huy động các nguồn lực bên ngoài cho phát triển kinh tế - xã hội toàn diện và bền vững trên tất cả các lĩnh vực, các khu vực của tỉnh; phấn đấu xây dựng Hải Dương năm 2030 là tỉnh công nghiệp hiện đại, tạo nền tảng để tỉnh Hải Dương sớm trở thành thành phố trực thuộc trung ương.

2. Đảm bảo tính nhân dân, tuân thủ, liên tục, kế thừa, ổn định, thứ bậc, tương thích trong hệ thống quy hoạch quốc gia; tính tổng thể, đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực, các địa phương trong tỉnh vừa đáp ứng các nhu cầu trong hiện tại, vừa tạo nền tảng phát triển cho các thời kỳ tiếp theo, hài hòa lợi ích của quốc gia, các vùng, các địa phương và lợi ích của người dân; phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực; tính khả thi, khoa học, khách quan, công khai, minh bạch; ứng dụng công nghệ hiện đại, kết nối liên thông, tiết kiệm, hiệu quả.

3. Đánh giá đầy đủ các điều kiện, yếu tố và dự báo xu hướng, bối cảnh, tình hình quốc tế, khu vực, trong nước tác động đến phát triển của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch; khai thác và phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hải Dương, xây dựng Hải Dương trở thành hạt nhân quan trọng phát triển kinh tế của vùng; đánh giá khả năng khai thác liên kết vùng, hợp tác các địa phương trong cả nước, trước hết là kết nối giữa tỉnh Hải Dương với các tỉnh trong vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ, vùng thủ đô Hà Nội, vùng duyên hải Bắc bộ với vùng Đông Bắc, nhất là kết nối hạ tầng liên vùng, cùng quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và các cân đối thị trường hàng hóa, dịch vụ thiết yếu.

4. Xây dựng quan điểm, thiết lập tầm nhìn và xác định mục tiêu, định hướng không gian phát triển mới để phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế so sánh, lợi thế cạnh tranh đặc thù, riêng biệt, độc đáo của Hải Dương so với các tỉnh lân cận và trong khu vực; tập trung phát triển một số nhóm ngành trọng điểm mà tỉnh đang có tiềm năng, lợi thế như: công nghiệp công nghệ cao và công nghiệp hỗ trợ; xây dựng đô thị và kinh doanh bất động sản, phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật; thương mại, du lịch, dịch vụ chất lượng cao; nông nghiệp hữu cơ, giá trị gia tăng cao và xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu; phù hợp định hướng cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, kinh tế số, con người đôi mới sáng tạo gắn với chuyên đổi số là bộ phận quan trọng của nền kinh tế. Tái cấu trúc lãnh thổ, xây dựng tỉnh trở thành thành phố trực thuộc trung ương.

5. Phát triển bền vững gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên; chủ động hội nhập và hợp tác quốc tế; đảm bảo an sinh xã hội, bình đẳng giới, giảm nghèo bền vững, nâng cao mức sống vật chất, thụ hưởng tinh thần của nhân dân; phát huy, duy trì và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, bản sắc văn hóa tốt đẹp, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

6. Bảo đảm các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động quy hoạch quy định tại Điều 4 Luật Quy hoạch.

### **III. MỤC TIÊU LẬP QUY HOẠCH**

1. Quy hoạch tỉnh nhằm phát huy tối đa các tiềm năng riêng có, thế mạnh khác biệt và nổi trội để phát triển tỉnh Hải Dương thành tỉnh công nghiệp hiện đại, hướng tới trực thuộc trung ương, có quy mô kinh tế lớn, cơ cấu lại kinh tế

theo hướng tăng trưởng xanh, chuyển đổi số; đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực; đảm nhiệm vai trò là đầu mối giao lưu kinh tế - xã hội giữa vùng đồng bằng sông Hồng, vùng Thủ đô Hà Nội, vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc với vùng Đông Bắc, vùng duyên hải Bắc bộ và cả nước; có tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định, bền vững với các sản phẩm chủ lực có sức cạnh tranh; hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ; đời sống vật chất, tinh thần không ngừng được nâng cao; công tác bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu được đảm bảo và quốc phòng, an ninh được giữ vững.

2. Quy hoạch tỉnh sắp xếp, phân bổ không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh gắn với phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường để sử dụng hiệu quả các nguồn lực của đất nước phục vụ mục tiêu phát triển bền vững cho thời kỳ xác định. Quy hoạch tỉnh là quy hoạch cụ thể hóa các quy hoạch cấp trên ở cấp tỉnh về không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, hệ thống đô thị và phân bố dân cư nông thôn, kết cấu hạ tầng, phân bổ đất đai, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên cơ sở kết nối quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn.

3. Quy hoạch tỉnh là công cụ pháp lý quan trọng hoạch định, kiến tạo động lực, không gian phát triển, đảm bảo tính kết nối đồng bộ giữa các quy hoạch cấp quốc gia với quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh, làm cơ sở lập quy hoạch xây dựng các vùng huyện và liên huyện; quy hoạch đô thị và nông thôn và các quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành có liên quan; nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

4. Quy hoạch tỉnh là cơ sở để quản lý và thu hút các nguồn lực đầu tư, đẩy nhanh các khâu đột phá chiến lược phát triển tỉnh; đồng thời loại bỏ các chông chéo cản trở đầu tư phát triển trên địa bàn; cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm công khai minh bạch, công bằng trong tiếp cận các dịch vụ xã hội cũng như phát huy tối đa hiệu lực và sử dụng bền vững, hiệu quả các nguồn lực trong hoạt động đầu tư và phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

#### **IV. NỘI DUNG LẬP QUY HOẠCH**

##### **1. Yêu cầu về nội dung lập quy hoạch**

a) Định hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội hướng đến tăng trưởng xanh, chuyển đổi số với 04 trụ cột: (1) công nghiệp công nghệ cao và công nghiệp hỗ trợ; (2) nông nghiệp hàng hóa tập trung ứng dụng công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ; (3) dịch vụ chất lượng cao; (4) đô thị xanh, thông minh, hiện đại.

b) Đảm bảo tính liên kết, đồng bộ, khai thác và sử dụng hiệu quả hệ thống kết cấu hạ tầng hiện có giữa các ngành, các vùng liên huyện, các địa phương trên địa bàn tỉnh và tăng cường liên kết vùng; xác định cụ thể các khu vực sử dụng cho mục đích quân sự, quốc phòng, an ninh ở cấp tỉnh, liên huyện và định hướng bố trí trên địa bàn cấp huyện.

c) Xây dựng và cụ thể hóa các quan điểm chỉ đạo về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm sự phát triển cân bằng giữa kinh tế, an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, giữ vững an ninh, quốc phòng, chủ quyền quốc gia.

d) Ứng dụng công nghệ hiện đại, số hóa, thông tin, cơ sở dữ liệu trong quá trình lập Quy hoạch; đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật và phù hợp với yêu cầu phát triển, hội nhập quốc tế và liên kết vùng.

## 2. Xác định nội dung Quy hoạch

Nội dung Quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải thực hiện theo đúng các quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch và Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của địa phương.

b) Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn.

c) Đánh giá về việc thực hiện Quy hoạch thời kỳ trước.

d) Xây dựng quan điểm, xác định mục tiêu và lựa chọn các phương án phát triển, phương án quy hoạch, phương hướng phát triển các ngành quan trọng và phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh:

- Xây dựng quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển tỉnh.

- Xác định phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng và lựa chọn các phương án:

+ Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội;

+ Phương án quy hoạch và phát triển hệ thống đô thị, nông thôn, các khu vực và khu chức năng; phương án tổ chức lãnh thổ và phân bố dân cư (thực hiện theo đúng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch);

+ Phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội (thực hiện theo đúng quy định tại các điểm đ, e, g, h, i, k khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch);

+ Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện;

+ Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện;

+ Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng hóa sinh học trên địa bàn tỉnh;

+ Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh;

+ Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra;

+ Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh;

+ Danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện;

+ Giải pháp, nguồn lực thực hiện Quy hoạch.

đ) Các nội dung đề xuất nghiên cứu:

Các nội dung được tích hợp vào quy hoạch tỉnh Hải Dương được nghiên cứu đề xuất đảm bảo Quy hoạch được thực hiện theo hướng tiếp cận tổng hợp và phối hợp đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực có liên quan trong việc lập quy hoạch trên phạm vi lãnh thổ của tỉnh nhằm đạt được mục tiêu phát triển cân đối, hài hòa, hiệu quả và bền vững.

## **V. PHƯƠNG PHÁP LẬP QUY HOẠCH**

### **1. Yêu cầu về phương pháp lập Quy hoạch**

Hệ thống các phương pháp lập Quy hoạch phải đảm bảo tính tiếp cận tổng hợp, khoa học, phù hợp với thực tiễn, đa chiều, đa lĩnh vực và ứng dụng công nghệ hiện đại.

### **2. Các phương pháp lập Quy hoạch**

- Tích hợp quy hoạch.

- So sánh đối chiếu, lồng ghép bản đồ với việc áp dụng công nghệ thông tin, hệ thống thông tin địa lý (GIS).

- Dự báo phát triển và quy hoạch chiến lược.

- Phân tích hệ thống, đánh giá tổng hợp, so sánh, mô hình tối ưu.
- Chuyên gia, hội nghị, hội thảo.
- Tiếp cận từ thực địa.
- Nghiên cứu tại bàn.
- Các phương pháp khác phù hợp với quy trình kỹ thuật lập Quy hoạch tỉnh.

## **VI. THÀNH PHẦN, CHI PHÍ VÀ TIẾN ĐỘ LẬP QUY HOẠCH**

### 1. Thành phần hồ sơ

#### a) Phần văn bản

- Tờ trình thẩm định và phê duyệt Quy hoạch tỉnh.
- Dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh.
- Báo cáo Quy hoạch tỉnh gồm Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt và các báo cáo liên quan; các phụ lục, sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về Quy hoạch.
- Báo cáo Đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) (thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường).
- Các tài liệu, văn bản pháp lý có liên quan khác.

#### b) Hệ thống bản đồ và sơ đồ:

Danh mục và tỷ lệ bản đồ Quy hoạch tỉnh quy định tại Mục IX Phụ lục I Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ, gồm:

- Bản đồ in tỷ lệ 1:250.000 - 1:1.000.000: Bản đồ vị trí và các mối quan hệ của tỉnh Hải Dương.
- Bản đồ số và bản đồ in, tỷ lệ 1:25.000 - 1:100.000:
- + Các bản đồ về hiện trạng phát triển;
- + Bản đồ đánh giá tổng hợp đất đai theo các mục đích sử dụng;
- + Bản đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn;
- + Bản đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng;
- + Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội;

- + Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật;
  - + Bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất;
  - + Bản đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên;
  - + Bản đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu;
  - + Bản đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện;
  - + Bản đồ vị trí các dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện;
  - + Hệ thống bản đồ chuyên đề khác (nếu có).
- Bản đồ in tỷ lệ 1:10.000 - 1:25.000: Bản đồ hiện trạng và định hướng phát triển khu vực trọng điểm của tỉnh (nếu có).

2. Chi phí lập quy hoạch: Thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Thời hạn lập quy hoạch: Trong 24 tháng kể từ ngày nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh được phê duyệt.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương căn cứ nội dung nhiệm vụ được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này, tổ chức lập Quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo phù hợp quy định của Luật Quy hoạch và các quy định hiện hành, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình lập Quy hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương chủ động phối hợp, cập nhật thông tin với quy hoạch cấp cao hơn để điều chỉnh, bổ sung đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tiễn, tính thống nhất, đồng bộ giữa các cấp quy hoạch theo quy định tại Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch và quy định pháp luật liên quan.

2. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, ngành, cơ quan liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao và quy định hiện hành hướng dẫn, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương triển khai thực hiện lập Quy hoạch bảo đảm chất lượng, tiến độ và hiệu quả.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.



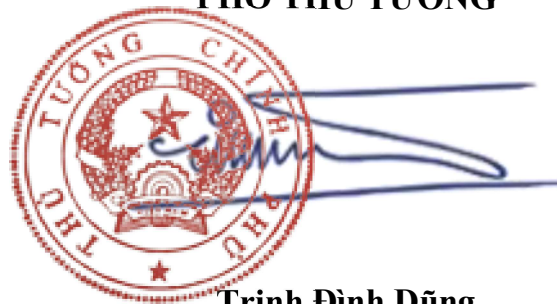
**Điều 4.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Tỉnh ủy, HĐND tỉnh Hải Dương;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, PTTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, QHDP (2b).

**KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG**



**Trịnh Đình Dũng**